

Số: 986/QĐ-UBND

Hải Hậu, ngày 22 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung dự toán năm 2025

**Kinh phí miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, tiền ăn trưa trẻ mẫu giáo,
chính sách giáo dục đối với học sinh khuyết tật năm học 2024-2025
cho các trường Mầm non, Tiểu học thuộc xã Hải Hậu**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HẢI HẬU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 88/2024/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã về việc quyết định dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Hải Hậu năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của UBND xã Hải Hậu về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Hải Hậu năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 5045/QĐ-UBND ngày 02/6/2025 của UBND huyện Hải Hậu về việc bổ sung dự toán 2025 kinh phí miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, tiền ăn trưa cho trẻ mẫu giáo, chính sách giáo dục đối với người khuyết tật năm học 2024-2025; Quyết định số 300/QĐ-PGDĐT ngày 03/6/2025 của Phòng Giáo dục và đào tạo huyện Hải Hậu về việc bổ sung dự toán NSNN năm 2025 kinh phí miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, tiền ăn trưa cho trẻ mẫu giáo, chính sách giáo dục đối với người khuyết tật năm học 2024-2025 cho các trường Mầm non, Tiểu học thuộc huyện Hải Hậu;

Xét Tờ trình số 21/TTr-KT ngày 17/9/2025 của Phòng Kinh tế xã Hải Hậu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung dự toán năm 2025 kinh phí miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, tiền ăn trưa cho trẻ mẫu giáo, chính sách giáo dục đối với người khuyết tật năm học 2024-2025 cho các trường thuộc xã Hải Hậu, số tiền: 616.546.000 đồng (Sáu

trăm mười sáu triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

(Chi tiết theo Phụ lục bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 kèm theo)

Nguồn kinh phí: Nguồn bổ sung có mục tiêu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các phòng ban, các đơn vị dự toán có trách nhiệm quản lý, sử dụng, thanh, quyết toán khoản kinh phí nêu tại Điều 1, Quyết định này đúng mục đích và chế độ tài chính hiện hành của Nhà nước.

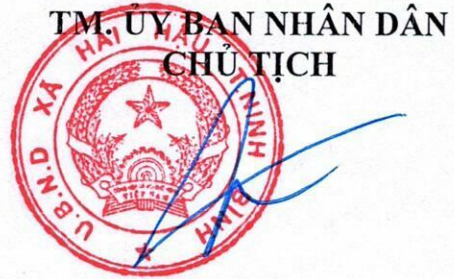
2. Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với Phòng giao dịch số 7 – KBNN khu vực V tổ chức thực hiện kinh phí tại Điều 1, Quyết định này theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký;

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, Phòng giao dịch số 7 – KBNN khu vực V và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT.



Vũ Văn Kỳ



PHỤ LỤC

BỘ SUNG ĐU TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 22/9/2025 của UBND xã Hải Hậu)

ĐVT: đồng

STT	Trường	Mã QHNS	Chương - Khoản	Nhu cầu kinh phí năm học 2024-2025								Kinh phí cấp bổ sung năm 2025 (Mã nguồn 12 - KP không thực hiện tự chủ)	
				Kinh phí miễn giảm học phí		Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập		Kinh phí hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em từ 3-5 tuổi		Kinh phí hỗ trợ học sinh khuyết tật			Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện chế độ chính sách năm học 2024-2025
				Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Học kỳ 1	Học kỳ 2		
TỔNG CỘNG				214.100.000	267.500.000	44.400.000	41.250.000	12.160.000	12.800.000	14.976.000	9.360.000	616.546.000	616.546.000
1	Mầm non Hải Bắc	1129462	822-071	33.120.000	40.725.000	1.200.000		1.920.000	3.200.000			80.165.000	80.165.000
2	Mầm non Hải Long	1129451	822-071	43.020.000	54.450.000		-	1.920.000	800.000			100.190.000	100.190.000
3	Mầm non Hải Phương	1129442	822-071	38.160.000	47.700.000	1.800.000	2.250.000	5.120.000	3.200.000			98.230.000	98.230.000
4	Mầm non Hải Trung	1129434	822-071	46.440.000	59.850.000	600.000	750.000	1.280.000	3.200.000			112.120.000	112.120.000
5	Mầm non Yên Định	1129430	822-071	38.520.000	48.150.000			1.920.000	2.400.000			90.990.000	90.990.000
6	Tiểu học Hải Bắc	1107985	822-072			4.800.000	1.500.000					6.300.000	6.300.000
7	Tiểu học Hải Long	1107993	822-072			7.800.000	6.000.000					13.800.000	13.800.000
8	Tiểu học Hải Phương	1102678	822-072			3.600.000	4.500.000					8.100.000	8.100.000
9	Tiểu học Hải Trung	1102681	822-072			4.200.000	5.250.000					9.450.000	9.450.000
10	Tiểu học Yên Định	1108009	822-072			1.800.000	2.250.000					4.050.000	4.050.000
11	THCS Hải Bắc	1004452	822-073	3.360.000	3.850.000	6.000.000	5.250.000			7.488.000	9.360.000	35.308.000	35.308.000
12	THCS Hải Long	1001434	822-073	3.220.000	2.975.000	3.600.000	3.000.000					12.795.000	12.795.000
13	THCS Hải Phương	1002589	822-073	2.380.000	2.975.000	4.200.000	4.500.000			7.488.000		21.543.000	21.543.000
14	THCS Hải Trung	1010096	822-073	3.640.000	4.900.000	3.600.000	4.500.000					16.640.000	16.640.000
15	THCS Yên Định	1002593	822-073	1.400.000	1.050.000	600.000	750.000					3.800.000	3.800.000
16	THCS Hải Hậu	1002487	822-073	840.000	875.000	600.000	750.000					3.065.000	3.065.000